TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2024/DS-PT
Ngày: 24-5-2024
V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản, tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Quảng

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thanh Mai

Bà Trần Thị Bé.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Vỹ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: Ông Lê Anh Pha - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2024/TLPT-DS ngày 07 tháng 02 năm 2024 về việc "*Tranh chấp kiện đòi tài sản, tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 105/2023/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 68/2024/QĐ-PT ngày 28/3/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 152/2024/QĐ-PT ngày 19/4/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 170/2024/QĐ-PT ngày 15/5/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Phước T, sinh năm 1972 và bà Lê Thị H, sinh năm 1974; Địa chỉ: K đường T, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng H1, sinh năm 1987; Địa chỉ: K đường H, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chi cục Thi hành án dân sự quận T. Địa chỉ: Số E đường T, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị T1, chức vụ: Chấp hành viên sơ cấp, theo Văn bản ủy quyền số 562/GUQ-CCTHADS ngày 19/4/2024 của Chi Cục trưởng. Có mặt.

+ Phòng Giao dịch C - Chi nhánh Đ - Ngân hàng TMCP X. Địa chỉ: Số B đường X, quận C, thành phố Đà Nẵng. Đại diện: Ông Đặng Hoàng L, chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt.

+ Bà Trương Thị N, sinh năm 1956. Địa chỉ: Số A đường T, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Bích H2, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số A đường H, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

+ Bà Nguyễn Thị Bích H3, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số F đường B, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Bà Nguyễn Thị Bích H2, bà Nguyễn Thị Bích H3 ủy quyền cho bà Trương Thị N tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền lập ngày 14/12/2023. Có mặt.

+ Ông Đàm Ngọc D, sinh năm 1985. Địa chỉ: K đường L, tổ D, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lương Anh T2, sinh năm 1981, địa chỉ: Tổ D, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy ủy quyền lập ngày 07/5/2024). Có mặt.

+ Công ty TNHH N. Địa chỉ: Đường A, thôn A, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Hồng H1; chức vụ: Giám đốc; Địa chỉ: K đường H, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Ông Đàm Ngọc D, Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Đà Nẵng.

5. *Kháng nghị*: Kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 43/2023/QĐST-DS ngày 15/6/2023 của Toà án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng thì đến ngày 28/6/2023 bà Nguyễn Thị Hồng H1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đàm Ngọc D số tiền 37.500.000.000 đồng, trong đó nợ gốc 29.500.000.000 đồng, tiền lãi là 8.000.000.000 đồng. Chi cục Thi hành án dân sự quận T đã ban hành Quyết định chủ động thi hành án số 1118/QĐ-CCTHADS ngày 05/7/2023; đến ngày 09/8/2023 ban hành Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 1254/QĐ-CCTHADS.

Công ty TNHH N (*sau đây gọi tắt là Công ty N*) có quan hệ vay vốn với Ngân hàng TMCP X, tại Phòng Giao dịch C - Chi nhánh Đ số tiền vay

13.200.000.000 đồng, ngày đến hạn là 20/10/2023. Bà Nguyễn Thị Hồng H1 là Giám đốc, đại diện theo pháp luật của Công ty có nhu cầu đáo hạn món vay trên trước thời hạn hợp đồng tín dụng.

Ông Lê Phước T, bà Lê Thị H trình bày ông bà là chủ cơ sở kinh doanh Dịch vụ N theo Giấy phép kinh doanh số 32B8006…; địa chỉ: A đường Ô, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị Hồng H1 có đặt vấn đề về việc vay tiền để đáo hạn cho khoản vay 13.200.000.000 đồng của Công ty N, ông T, bà H đồng ý cho vay. Do vậy, bà H1 dẫn ông T đến gặp ông Đặng Hoàng L – Giám đốc Phòng Giao dịch C để trao đổi về việc ông T sẽ cho vay tiền để đáo hạn đối với khoản vay của Công ty N, được đại diện Ngân hàng đồng ý.

Ngày 08/8/2023, bà H1 viết Giấy mượn tiền nhưng đề 10/8/2023 theo mẫu in sẵn của Dịch vụ N. Theo Giấy mượn tiền thì bà H1 vay của ông T bà H số tiền là 13.200.000.000 đồng, mục đích vay để đáo hạn khoản vay ngân hàng có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 010644 (khoản vay của Công ty N). Bà H1 cam đoan sử dụng tiền vay đúng mục đích và hẹn trả nợ vào ngày 11/8/2023. Theo ông T, bà H Giấy mượn tiền ký trước nhưng đề ngày 10/8/2023 vì trên cơ sở Giấy mượn tiền thì ông bà mới huy động đủ số tiền cho bà H1 vay, chính vì vậy Giấy mượn tiền ghi giấy nợ này chỉ có hiệu lực khi tiền được chuyển vào tài khoản ngân hàng của bà Nguyễn Thị Hồng H1.

Mặc dù ông T bà H chỉ có được 11.500.000.000 đồng nhưng các bên vẫn tiếp tục thực hiện thỏa thuận vay tiền, ông T bà H yêu cầu bà H1 phải có khoản tiền 1.700.000.000 đồng để đủ số tiền 13.200.000.000 đồng thực hiện việc đáo hạn ngân hàng như đã thỏa thuận.

Thực hiện thỏa thuận cho vay, ngày 09/8/2023 ông T và những người do ông T, bà H vay tiền đã chuyển vào tài khoản số 15111… của bà H1 mở tại Phòng Giao dịch C, tổng số tiền 11.500.000.000 đồng, những người chuyển tiền cụ thể như sau:

- Ông Lê Phước T chuyển 2.400.000.000 đồng, đưa bà H1 nộp tiền mặt tại ngân hàng 450.000.000 đồng.

- Bà Trương Thị N chuyển 2.900.000.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Bích H2 chuyển 2.750.000.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Bích H3 chuyển 3.000.000.000 đồng.

Tuy nhiên khi số tiền được chuyển vào tài khoản ngân hàng của bà H1 thì ngày hôm sau bị Chi cục Thi hành án dân sự quận T phong tỏa để thi hành án cho ông Đàm Ngọc D theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 43/2023/QĐST-DS ngày 15/6/2023 của Toà án nhân dân quận T.

Theo đơn khởi kiện, ông T, bà H yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng H1 trả số tiền 13.200.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn rút yêu cầu đối với số tiền 1.700.000.000 đồng, yêu cầu Toà án buộc bà H1 phải trả lại cho

ông bà số tiền 11.500.000.000 đồng hiện đang bị Chi cục Thi hành án dân sự quận T phong tỏa để thi hành án.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H1 trình bày bà có vay tiền của ông Lê Phước T và bà Lê Thị H số tiền 11.500.000.000 đồng. Giao dịch vay tiền, chuyển tiền vào tài khoản đúng như ông T, bà H trình bày, mục đích vay là để đáo hạn ngân hàng cho khoản vay 13.200.000.000 đồng của Công ty N. Khoản vay chưa đến hạn nhưng nếu đáo hạn, ký lại hợp đồng vay tiền thì lãi suất tiền vay sẽ thấp hơn hợp đồng tín dụng hiện tại. Do ông T, bà H không có đủ 13.200.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền nên số tiền vay thực tế là 11.500.000.000 đồng. Bà chỉ vay tiền ông T, bà H, không quen biết bà N, bà H2, bà H3, sau này mới biết là do ông T, bà H vay tiền nên họ chuyển tiền vào tài khoản bà H1. Do số tiền vay ngay sau đó bị phong tỏa để thi hành án nên không đáo hạn ngân hàng được. Quá trình giải quyết vụ án trong các phiên hòa giải bà H1 đề nghị hoàn trả lại tiền cho ông T bà H, tại phiên tòa bà đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Theo bà H1 đây là quan hệ vay tiền, vì bà vay có trả lãi.

Ông Đặng Hoàng L, Giám đốc Phòng Giao dịch C - Chi nhánh Ngân hàng X tại Đà Nẵng trình bày Công ty TNHH N do bà Nguyễn Thị Hồng H1 làm giám đốc có phát sinh giao dịch vay vốn tại Phòng Giao dịch C theo Hợp đồng tín dụng số 1608LAV230030… ngày 20/4/2023. Số tiền vay 13.200.000.000 đồng, ngày đến hạn 20/10/2023. Bà Nguyễn Thị Hồng H1 có trao đổi với Ngân hàng là cần đáo hạn món vay 13,2 tỷ đồng trước thời hạn hợp đồng vay, nên đến khoảng 13 giờ chiều ngày 09/8/2023 bà H1 có dẫn một người đàn ông tên T đến Ngân hàng trình bày là người này sẽ cho mượn tiền để đáo hạn khoản vay của Công ty N. Khoảng thời gian từ 17 giờ 30 đến 18 giờ 00 ngày 09/8/2023, theo sự thỏa thuận giữa ông T và bà H1, một số tiền được chuyển vào tài khoản cá nhân của bà H1 số 15111… mở tại Phòng Giao dịch C là 10.200.000.000 đồng. Bà H1 có trao đổi là còn món tiền 03 tỷ đồng đã chuyển nhưng do lỗi hệ thống nên chưa vào tài khoản. Vì thời gian tiền chuyển vào tài khoản ngân hàng bà H1 đã trễ (khoảng 18 giờ 30), Ngân hàng không thể giải ngân vì đã quá giờ làm việc. Bà H1 có hẹn lại vào sáng hôm sau để xử lý tiếp công việc tất toán nợ vay và giải ngân lại cho Công ty N.

Sáng ngày 10/8/2023, vào khoảng 07 giờ 30, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự quận T qua làm việc, yêu cầu Phòng Giao dịch C - Ngân hàng X phong tỏa ngay tài khoản cá nhân của bà Nguyễn Thị Hồng H1 theo Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 1254/QĐ-CCTHADS 09 tháng 8 năm 2023. Ngân hàng ngay sau đó thực hiện theo yêu cầu của Cơ quan Thi hành án dân sự. Thời điểm phong tỏa, tài khoản cá nhân bà H1 có số dư 13.250.714.995 đồng (BL 186).

Chi cục Thi hành án dân sự quận T trình bày việc ra quyết định phong tỏa tài khoản, tài sản của bà Nguyễn Thị Hồng H1 là thực hiện theo đơn đề nghị khẩn cấp ngày 09/8/2023 của ông Đàm Ngọc D để thi hành Quyết định công

nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 43/2023/QĐST-DS ngày 15/6/2023 của Toà án nhân dân quận T về khoản tiền 37.500.000.000 đồng bà H1 phải thi hành án cho ông Đàm Ngọc D. Chấp hành viên ban hành Quyết định phong tỏa tài khoản, tài sản số 06/QĐ-CCTHADS ngày 09/8/2023 phong tỏa số tiền 37.572.750.000 đồng trong tài khoản số 15111… và tài khoản số 161110101000… của bà Nguyễn Thị Hồng H1 tại Phòng Giao dịch C; Quyết định số 20/QĐ-CCTHADS ngày 11 tháng 8 năm 2023 sửa đổi bổ sung quyết định về thi hành án, số tiền phong tỏa trong tài khoản bà H1 là 13.250.715.001 đồng. Chấp hành viên ban hành Quyết định số 33/QĐ-CCTHADS ngày 18/8/2023, Quyết định số 22/QĐ-CCTHADS ngày 24/8/2023 khấu trừ số tiền 13.248.000.000 đồng trong tài khoản của bà H1 để thi hành án. Số tiền 13.248.000.000 đồng đã được chuyển vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự quận T ngày 06/9/2023.

Do có tranh chấp nên ngày 22/9/2023 Chi cục Thi hành án dân sự quận T gửi số tiền 13.200.000.000 đồng tại Ngân hàng N – Chi nhánh Đ theo hình thức có kỳ hạn. Tính đến ngày 29/12/2023, tiền lãi là 112.719.700 đồng, đến ngày xét xử phúc thẩm là 209.176.600 đồng, lãi tiếp tục phát sinh theo hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn. Cơ quan Thi hành án dân sự đã ra quyết hoãn thi hành án từ ngày 15/9/2023, việc xử lý số tiền trên sẽ căn cứ vào kết quả giải quyết của Tòa án.

Bà Trương Thị N, Nguyễn Thị Bích H2, Nguyễn Thị Bích H3 trình bày có cho ông T, bà H vay tiền vào ngày 09/8/2023 để thực hiện việc đáo hạn ngân hàng, ông T bà H đã viết giấy vay tiền, hẹn trả vào ngày 10/8/2023. Theo yêu cầu của vợ chồng ông T bà H, bà N chuyển vào tài khoản bà H1 2.900.000.000 đồng, H2 chuyển 2.750.000.000 đồng, bà H3 chuyển 3.000.000.000 đồng. Bà N, bà H2, bà H3 xác định chỉ cho ông T, bà H vay tiền, không liên quan đến tranh chấp giữa ông T, bà H với bà H1 và các bên liên quan.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đàm Ngọc D trình bày bản chất của Giấy mượn tiền ngày 10/8/2023 là hợp đồng vay tiền có trả lãi. Theo quy định của Bộ luật Dân sự, đối với hợp đồng cho vay tài sản, khi xác lập sẽ chuyển toàn bộ quyền sở hữu từ bên cho vay sang bên vay. Tại thời điểm Chi cục Thi hành án dân sự quận T phong tỏa tài sản, khấu trừ tiền để thi hành án theo yêu cầu của ông thì số tiền có trong tài khoản bà H1 là thuộc sở hữu bà H1, ông T bà H không còn quyền gì đối với số tiền 11.500.000.000 đồng nêu trên. Tranh chấp giữa ông T bà H với bà H1 về số tiền 11.500.000.000 đồng là tranh chấp vay tài sản, không liên quan đến tài sản cưỡng chế thi hành án. Ông đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tranh chấp kiện đòi tài sản, tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự. Đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự quận T chi trả số tiền 13.248.000.000 đồng cho ông D theo đúng quy định pháp luật.

Với nội dung vụ án như trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và quyết định:

Căn cứ khoản 12 Điều 26, Điều 35, Điều 39; khoản 4 Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 244, Điều 264, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 158, Điều 160, 420 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu đối với số tiền 1.700.000.000 đồng *(một tỷ bảy trăm triệu đồng)* của nguyên đơn.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Phước T và bà Lê Thị H về việc "*Tranh chấp kiện đòi tài sản, tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự*".

- Xác định số tiền 11.500.000.000 đồng *(mười một tỷ năm trăm triệu đồng)* hiện Chi cục Thi hành án dân sự quận T đang tạm giữ theo Quyết định khấu trừ tiền trong tài khoản để thi hành án số 33/QĐ-CCTHADS ngày 18/8/2023 (biên lai thu tiền thi hành án số 0001526 ngày 11/9/2023) thuộc quyền sở hữu của ông Lê Phước T và bà Lê Thị H.

- Chi cục Thi hành án dân sự quận T có trách nhiệm làm thủ tục trả số tiền 11.500.000.000 đồng cho ông Lê Phước T và bà Lê Thị H.

3. Hủy Giấy mượn tiền ngày 10/8/2023 giữa ông Lê Phước T, bà Lê Thị H và bà Nguyễn Thị Hồng H1.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự, quy định về thi hành án dân sự.

- Ngày 08/01/2024, ông Đàm Ngọc D kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Đề nghị Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm theo hướng bác yêu cầu của ông T và bà H liên quan đến số tiền 11.500.000.000 đồng Chi cục Thi hành án dân sự quận T đang tạm giữ để đảm bảo thi hành án và Chi cục Thi hành án dân sự quận T phải chi trả ngay số tiền đang tạm giữ cho ông D theo quy định pháp luật.

- Ngày 10/01/2024, Chi cục Thi hành án dân sự quận T có Đơn kháng cáo cho rằng Toà án cấp sơ thẩm đã không đề cập giải quyết khoản lãi phát sinh từ khoản tiền gửi 13.200.000.000 đồng. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết khoản lãi phát sinh trên số tiền 13.200.000.000 đồng từ ngày gửi Ngân hàng cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật để Chi cục Thi hành án dân sự quận T có cơ sở tổ chức thi hành án.

- Ngày 12/01/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-DS kháng nghị một phần Bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm theo hướng sửa án sơ thẩm, xác định Chi cục Thi hành án dân sự quận T tạm giữ số tiền 13.248.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Hồng H1 theo Quyết

định khấu trừ tiền trong tài khoản để thi hành án số 33/QĐ-CCTHADS ngày 18 tháng 8 năm 2023 để đảm bảo thi hành án cho ông Đàm Ngọc D theo Quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự số 43/2023/QĐST-DS ngày 15/6/2023 của Toà án nhân dân quận T là đúng quy định của pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xác định số tiền 11.500.000.000 đồng đang được Chi cục Thi hành án dân sự quận T tạm giữ thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn. Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền 11.500.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng giữ nguyên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

** Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa phúc thẩm:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về kháng cáo của ông Đàm Ngọc D và kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Phước T, bà Lê Thị H về việc đòi số tiền 11.500.000.000 đồng đang được Chi cục Thi hành án dân sự quận T tạm giữ. Xác định số tiền 11.500.000.000 đồng đã chuyển vào tài khoản bà H1 là thuộc sở hữu của bà H1, Chi cục Thi hành án dân sự quận T phong tỏa tài sản, khấu trừ tiền trong tài khoản đề thi hành án là có căn cứ quy định pháp luật. Giấy mượn tiền ghi ngày 10/8/2023 có hiệu lực pháp luật, bà H1 có nghĩa vụ trả lại số tiền vay khi đến hạn trả nợ. Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền 11.500.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi của số tiền 11.500.000.000 đồng Chi cục Thi hành án dân sự quận T đang tạm giữ thuộc quyền sở hữu bà H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:**

[1] Đơn kháng cáo của ông Đàm Ngọc D, của Chi cục Thi hành án dân sự quận T và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê được thực hiện theo quy định tại Điều 272, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Phòng Giao dịch C - Chi nhánh Đ - Ngân hàng TMCP X, do ông Đặng Hoàng L làm Giám đốc, đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

*** Về kháng cáo** của ông Đàm Ngọc D và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê:

[1] Bà Nguyễn Thị Hồng H1 và vợ chồng ông Lê Phước T, bà Lê Thị H có thỏa thuận vay tiền, trên cơ sở đó, trước ngày 09/8/2023 (theo đương sự trình bày là ngày 08/8/2023) bà H1 có viết Giấy mượn tiền đề ngày 10/8/2023 vay số tiền 13.200.000.000 đồng, thời hạn vay ngày 10/8/2023, trả vào ngày 11/8/2023. Mục đích vay tiền nộp vào tài khoản số 5111… của bà H1 tại Ngân hàng X - Chi nhánh Đ – Số E đường X, thành phố Đà Nẵng (Phòng Giao dịch C), để đáo hạn cho khoản vay có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 010644, tức khoản vay 13.200.000.000 đồng của Công ty TNHH N. Sau khi hoàn thành đáo hạn ngân hàng, số tiền vay sẽ được trả lại cho ông T, bà H theo Khế ước nhận nợ, các Ủy nhiệm chi (không đề ngày, tháng 8/2023) bà Nguyễn Thị Hồng H1 - Giám đốc Công ty đã ký giao ông T bà H. Theo nguyên đơn, bị đơn sở dĩ Giấy mượn tiền lập trước nhưng đề ngày 10/8/2023 là theo thỏa thuận của các bên trong thực hiện dịch vụ vay tiền đáo hạn ngân hàng và trong Giấy mượn tiền ghi rõ là chỉ có hiệu lực khi số tiền vào tài khoản số 5111… của bà Nguyễn Thị Hồng H1. Việc đáo hạn khoản vay của Công ty TNHH N được ông Đặng Hoàng L – Giám đốc Phòng Giao dịch C, Chi nhánh Đ - Ngân hàng TMCP X đồng ý và hướng dẫn thủ tục thực hiện.

Đến ngày 09/8/2023, ông T, bà H chỉ huy động được 11.500.000.000 đồng, bà H1 nói rằng số tiền 1.700.000.000 đồng còn lại bà sẽ tự lo. Thực tế trong ngày 09/8/2023, trước khi số tiền ông T, bà H cho vay được chuyển vào tài khoản bà H1, thì số tiền 1.700.000.000 đồng đã được chuyển vào tài khoản này (số dư 1.750.715.015 đồng).

Thực hiện giao dịch vay tiền, chiều ngày 09/8/2023 ông T và một số người ông T bà H mượn tiền để cho bà H1 vay đã chuyển vào tài khoản số 15111… của bà H1 tại Phòng Giao dịch C, trong đó ông T chuyển 2.400.000.000 đồng, đưa bà H1 450.000.000 đồng nộp tiền mặt. Bà Trương Thị N chuyển 2.900.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Bích H2 chuyển 2.750.000.000 đồng. Số tiền 3.000.000.000 đồng bà Nguyễn Thị Bích H3 chuyển, do lỗi hệ thống nên đến ngày 10/8/2023 mới vào tài khoản bà H1, thể hiện tại Sao kê tài khoản ngày 18/10/2023 do Ngân hàng cung cấp.

Như vậy số tiền vay 11.500.000.000 đồng, mục đích vay là để đáo hạn cho khoản vay của Công ty N tại Ngân hàng X được các bên thừa nhận, phù hợp tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2] Ngay sau khi tiền vay vào tài khoản ngân hàng của cá nhân bà H1, chưa thực hiện được mục đích vay thì sáng ngày 10/8/2023, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự quận T đến Ngân hàng xác minh số tiền trong tài khoản bà H1, yêu cầu phong tỏa tài khoản theo Quyết định phong tỏa tài khoản, tài sản tài sản số 06/QĐ-CCTHADS, Quyết định số 20/QĐ-CCTHADS ngày 11 tháng 8 năm 2023, đồng thời ban hành các Quyết định số 33/QĐ-CCTHADS ngày 18/8/2023, Quyết định số 22/QĐ-CCTHADS ngày 24/8/2023 khấu trừ số tiền

13.248.000.000 đồng trong tài khoản của bà H1 để thi hành án. Nhận thấy số tiền cho vay bị phong tỏa, không thực hiện được việc cho vay để đáo hạn ngân hàng như đã thỏa thuận, ông T bà H tiến hành khởi kiện đối với bà H1, yêu cầu hoàn trả khoản tiền trên, hiện đang bị Chi cục Thi hành án dân sự quận T áp dụng biện pháp phong tỏa, khấu trừ tiền trong tài khoản để thi hành án. Bà H1 trình bày ông T có thông báo cho bà về việc khởi kiện đòi lại số tiền vay đang bị phong tỏa.

[3] Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân quận T, cũng như kháng cáo của ông Đàm Ngọc D cho rằng số tiền vay vào tài khoản của bà H1 thì thuộc sở hữu của bà H1, bà H1 là người phải thi hành án theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 43/2023/QĐST-DS ngày 15/6/2023 của Toà án nhân dân quận T, nên Cơ quan thi hành án phong tỏa tài khoản, thực hiện biện pháp khấu trừ tiền trong tài khoản để thi hành án là có căn cứ quy định pháp luật. Quan hệ vay tiền giữa bà H1 với ông T, bà H là quan hệ pháp luật khác, bà H1 phải có nghĩa vụ trả tiền khi đến hạn; đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 11.500.000.000 đồng Chi cục Thi hành án dân sự quận T tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Trong quá tham gia trình tố tụng cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Phước T, bà Lê Thị H cho rằng ông bà không biết bà Nguyễn Thị Hồng H1 đang phải thi hành án khoản tiền 37.500.000.000 đồng, không biết rằng cho bà H1 vay tiền, chuyển tiền vào tài khoản cá nhân bà H1 thì sẽ bị phong tỏa, tạm giữ để thi hành án cho khoản nợ khác của bà H1, trong khi giữa bà H1 và vợ chồng ông bà chỉ thỏa thuận vay 02 ngày, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng cho khoản vay của Công ty N do bà H1 làm giám đốc. Khi cho vay ông bà có đề nghị chuyển tiền vay vào tài khoản của Công ty N nhưng bà H1 lại yêu cầu chuyển vào tài khoản cá nhân bà H1. Nếu biết tình trạng như vậy sẽ không cho bà H1 vay tiền, không chuyển tiền cho vay vào tài khoản cá nhân bà H1 để dẫn đến số tiền cho vay bị phong tỏa, làm cho mục đích đáo hạn ngân hàng không đạt được. Ông bà đề nghị Tòa án tuyên buộc bà H1 hoàn trả số tiền 11.500.000.000 đồng ông bà cho vay được chuyển vào tài khoản bà H1 ngày 09, ngày 10 tháng 8 năm 2023, hiện đang bị Chi cục Thi hành án dân sự quận T ra quyết định phong tỏa, khấu trừ tiền để thi hành án.

[4.2] Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ vay tiền giữa bà H1 với ông T bà H được xác lập theo Giấy mượn tiền đề ngày 10/8/2023, thực tế cho vay 11.500.000.000 đồng là Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự, như kháng cáo của ông Đàm Ngọc D, Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê. Các bên có thỏa thuận về thời hạn vay 02 ngày, mục đích cho vay là để đáo hạn cho khoản vay của Công ty N tại Phòng Giao dịch C, có thỏa thuận trả lãi. Tuy nhiên mục đích cho vay để đáo hạn ngân hàng không đạt được do số tiền chuyển vào tài khoản bà H1 vào lúc chiều tối ngày 09/8/2023, Ngân hàng không thể giải ngân vì đã quá giờ làm việc. Đến đầu giờ sáng ngày 10/8/2023 thì bị Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành phong tỏa

tài khoản để đảm bảo thi hành án. Điều này nằm ngoài ý chí, thỏa thuận, mục đích cho vay của các bên. Theo Điều 467 Bộ luật Dân sự, quy định về sử dụng tài sản vay, nếu tài sản vay không được sử dụng đúng mục đích cho vay thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản trước thời hạn. Trong Giấy mượn tiền đề ngày 10/8/2023 bà H1 cam đoan sử dụng tài sản vay đúng mục đích là để đáo hạn cho khoản vay của Công ty N.

[4.3] Mặc dù thỏa thuận vay tiền để đáo hạn cho khoản vay của Công ty N nhưng bà H1 không đề nghị chuyển tiền vào tài khoản Công ty cũng đang mở tại Phòng Giao dịch C, mà lại chỉ định chuyển tiền vào tài khoản cá nhân bà H1, trong khi bà là người có nghĩa vụ phải thi hành án số tiền 37.500.000.000 đồng từ ngày 28/6/2023, nghĩa vụ thi hành án của bà H1 gấp nhiều lần so với số tiền vay ông T, bà H nên khi tiền vay được chuyển vào tài khoản cá nhân bà H1 thì có thể sẽ bị phong tỏa để đảm bảo thi hành án, điều này bà H1 phải biết và thực tế đã bị phong tỏa. Theo hồ sơ thi hành án thì trong ngày 09/8/2023 (tức ngày tiền vay được chuyển vào tài khoản cá nhân bà H1), ông Đàm Ngọc D có đơn yêu cầu khẩn cấp gửi đến Cơ quan thi hành án, nên cũng trong ngày 09 tháng 8 năm 2023 Chi cục Thi hành án dân sự quận T ban hành Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 1254/QĐ-CCTHADS về khoản tiền 37.500.000.000 đồng, mặc dù thời hạn thực hiện nghĩa vụ thi hành án của bà H1 từ ngày 28/6/2023, nhưng trước đó ông D không có đơn yêu cầu thi hành án.

Nguyên nhân dẫn đến giao dịch vay tiền giữa ông T bà H với bà H1 không đạt được mục đích, các thỏa thuận, cam kết tại Giấy mượn tiền không thực hiện được là do bà H1 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ cung cấp thông tin trong khi giao kết hợp đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 387 Bộ luật Dân sự "*Trường hợp một bên có thông tin ảnh hưởng đến việc chấp nhận giao kết hợp đồng của bên kia thì phải thông báo cho bên kia biết"*.

[4.4] Xét thấy bà H1 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ cung cấp thông tin cho ông T, bà H trong quá trình giao kết hợp đồng vay tài sản về tình trạng bà đang có nghĩa vụ phải thi hành án dân sự với số tiền lớn hơn nhiều lần số tiền vay, dẫn đến tiền cho vay vào tài khoản bà H1 thì ngay sau đó bị phong tỏa để đảm bảo thi hành án. Do đó bà H1 đã *vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hợp đồng* theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 423 Bộ luật Dân sự. Theo khoản 2 Điều 423 Bộ luật Dân sự: "*Vi phạm nghiêm trọng là việc không thực hiện đúng nghĩa vụ của một bên đến mức làm cho bên kia không đạt được mục đích của việc giao kết hợp đồng*". Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của bà H1 đã làm cho hợp đồng vay tài sản theo Giấy mượn tiền đề ngày 10/8/2023 giữa ông T, bà H với bà H1 không đạt được mục đích của việc giao kết hợp đồng, là một trong các căn cứ để hủy bỏ hợp đồng theo Điều 423 Bộ luật Dân sự. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, tuyên hủy Giấy mượn tiền ngày 10/8/2023 là có căn cứ theo quy định tại Điều 423 Bộ luật Dân sự. Và do hợp đồng bị hủy bỏ nên không có hiệu lực từ thời điểm giao kết, án sơ thẩm tuyên Chi cục Thi hành án dân sự quận T có trách nhiệm làm thủ tục trả số tiền 11.500.000.000 đồng đang bị phong tỏa cho ông Lê Phước T, bà Lê Thị H là có căn cứ được quy định tại Điều 427 Bộ luật Dân sự, tuy việc áp dụng điều luật

của Tòa án cấp sơ thẩm về hủy bỏ hợp đồng là chưa chính xác, cấp phúc thẩm cần khắc phục thiếu sót này.

Do vậy Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Đàm Ngọc D, Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, cũng như phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, mà cần giữ nguyên án sơ thẩm về phần tuyên hủy giao dịch vay tiền giữa ông Lê Phước T, bà Lê Thị H với bà Nguyễn Thị Hồng H1; giải quyết hậu quả của hủy bỏ hợp đồng, yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự quận T chuyển trả cho ông T bà H 11.500.000.000 đồng (trong đó có 8.650.000.000 đồng ông T bà H vay của bà N, bà H2, bà H3) là có căn cứ quy định pháp luật.

[5] Đối với số tiền bà H1 chuyển cho ông T, bà H, theo đương sự trình bày có tiền lãi, có tiền ông T, bà H vay lại bà H1. Xét thấy tại cấp sơ thẩm bà H1 không yêu cầu giải quyết và nội dung này không bị kháng cáo, kháng nghị. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà H1 cũng không yêu cầu giải quyết; nguyên đơn, bị đơn đề nghị tự giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[6] Đối với số tiền lãi của số tiền 11.500.000.000 đồng trong quá trình Chi cục Thi hành án dân sự quận T tạm giữ số tiền trên, gửi Ngân hàng theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn; do giao dịch vay tài sản bị hủy bỏ, ông T, bà H được nhận lại số tiền 11.500.000.000 đồng, nên tiền lãi thuộc sở hữu của ông T, bà H. Theo xác nhận của Ngân hàng N – Chi nhánh Đ – Phòng Giao dịch T thì đến ngày xét xử phúc thẩm hôm nay số tiền lãi của 13.200.000.000 đồng là 209.176.600 đồng. Như vậy số tiền lãi của 11.500.000.000 đồng là 182.237.189 đồng và tiếp tục phát sinh theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn. Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Chi cục Thi hành án dân sự quận T về nội dung này.

[7] Án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Do ngay sau khi số tiền 11.500.000.000 đồng được chuyển vào tài khoản cá nhân bà H1 thì bị Cơ quan Thi hành án dân sự phong tỏa để thi hành án, làm cho mục đích vay tiền đáo hạn với thời gian vay 02 ngày không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm bà H1 nhiều lần đề nghị trả lại tiền cho ông T, bà H. Xét thấy giao dịch dân sự bị hủy bỏ nhưng số tiền 11.500.000.000 đồng đã bị phong tỏa, chuyển vào tài khoản Cơ quan Thi hành án dân sự, bà H1 không quản lý, sử dụng số tiền trên nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá nghạch là có căn cứ. Hội đồng xét xử xét thấy cần giữ nguyên án phí dân sự sơ thẩm bà H1 phải chịu.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đàm Ngọc D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 387; Điều 423, Điều 427; Điều 463 và Điều 467 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đàm Ngọc D, không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thanh Khê. Chấp nhận kháng cáo của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 105/2023/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng.

Xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 1.700.000.000đ *(một tỷ bảy trăm triệu đồng*)

2. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "*Tranh chấp đòi tài sản, tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự*" của ông Lê Phước T, bà Lê Thị H.

Hủy giao dịch vay tài sản theo Giấy mượn tiền đề ngày 10/8/2023 giữa ông Lê Phước T, bà Lê Thị H với bà Nguyễn Thị Hồng H1.

Ông Lê Phước T, bà Lê Thị H được nhận lại số tiền 11.500.000.000 đồng *(mười một tỷ năm trăm triệu đồng*) trong tài khoản cá nhân bà Nguyễn Thị Hồng H1 số 15111… mở tại Ngân hàng X - Phòng Giao dịch C - Chi nhánh Đ, bị Chi cục Thi hành án dân sự quận T phong tỏa theo Quyết định phong tỏa tài khoản, tài sản tài sản số 06/QĐ-CCTHADS ngày 09/8/2023, Quyết định số 20/QĐ-CCTHADS ngày 11 tháng 8 năm 2023; Quyết định khấu trừ tiền trong tài khoản để thi hành án số 33/QĐ-CCTHADS ngày 18/8/2023, Quyết định số 22/QĐ-CCTHADS ngày 24/8/2023.

Chi cục Thi hành án dân sự quận T làm thủ tục chuyển trả số tiền 11.500.000.000 đồng nêu trên cho ông Lê Phước T, bà Lê Thị H (Biên lai thu tiền thi hành án số 0001256 ngày 11/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T).

3. Ông Lê Phước T, bà Lê Thị H được hưởng tiền lãi phát sinh trong quá trình Chi cục Thi hành án dân sự quận T tạm giữ số tiền 11.500.000.000 đồng cho đến khi Chi cục Thi hành án làm thủ tục chuyển trả tiền cho ông Lê Phước T, bà Lê Thị H (tiền lãi đến ngày xét xử phúc thẩm là 182.237.189 đồng và tiếp tục phát sinh theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn).

4. Án phí dân sự:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị Hồng H1 phải chịu 300.000 đồng.

Hoàn trả ông Lê Phước T, bà Lê Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0000265 ngày 23/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Đà Nẵng.

4.2. Ông Đàm Ngọc D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001179 ngày 08/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Đà Nẵng (Biên lai ghi ngày 08/01/2023, do bà Lương Anh T2 nộp).

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- TAND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

Trần Đình Quảng